TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 01 - 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhàn,

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Hành,

2. Bà Ngô Thị Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Ngọc Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Triều, Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 88/2021/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 7 năm 2021, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXX-ST, ngày 06 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hải H, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã G, huyện Q,, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 17 tháng 6 năm 2021, được bổ sung tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hoàng Văn T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Hải H tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện Quảng Ninh vào ngày 12-6-2009. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sinh sống tại xã G; cuộc sống hai vợ chồng hạnh phúc được 04 năm, thời gian sau hai vợ chồng không còn thương nhau nữa nên đã sống ly

thân từ năm 2017 đến nay. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, hay cải vã nhau, không cùng quan điểm nhiều vấn đề trong cuộc sống. Hiện nay, xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể trở lại sống chung cùng nhau được nữa, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho Ông được ly hôn bà H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 đứa con chung tên là Hoàng Thị Thùy C, sinh ngày 02-7-2009 và Hoàng Ngọc B, sinh ngày 17-10-2010. Hiện hai con đang sống cùng ông T. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu bà H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10 tháng 11 năm 2021, bà Nguyễn Thị Hải H trình bày: Bà và ông Hoàng Văn T tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện Q vào năm 2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng làm ăn sinh sống tại xã G, huyện Q. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, hay gây gỗ, cải vã nhau một phần do kinh tế, một phần do con riêng của chồng, nên Bà thuê cái quán nhỏ ở chợ buôn bán qua ngày để nuôi con. Vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm không còn nữa nên ông T xin ly hôn Bà hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 02 đứa con chung tên là Hoàng Thị Thùy C, sinh ngày 02-7-2009 và Hoàng Ngọc B, sinh ngày 17-10-2010, hiện đang sống cùng ông T. Bà cũng có nguyện vọng nuôi con nhưng vì hiện nay Bà không có nhà cửa, hai bàn tay trắng nên không đủ điều kiện để nuôi con, Bà đề nghị giao hai con cho ông T nuôi một thời gian, sau này khi công việc ổn định thì Bà xin nhận con về nuôi và chăm sóc.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không có ý kiến gì.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện từ thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng quy định tại các điều 39, 48, 49, 68, 93, 95, 96, 97, 195, 196, 203, 204, 208, 209, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 53, 54 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đương sự chấp hành pháp luật đúng quy định tại các điều 68, 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Hoàng Văn T, xử cho ông T được ly hôn bà Nguyễn Thị Hải H. Về con chung: Áp dụng các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xử giao con Hoàng Thị Thùy C, sinh ngày 02-7-2009 và Hoàng Ngọc B, sinh ngày 17-10-2010 cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời không buộc bà H phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung: Ông Hoàng Văn T khai không có tài sản chung, bà H không có ý kiến về phần tài sản nên Hội đồng

xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, bị đơn cư trú tại thôn Đ, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị Hải H lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, như vậy hôn nhân của Ông, Bà là hợp pháp. Tuy nhiên trong cuộc sống, vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, hay gây gỗ, cải vã nhau, không tìm được tiếng nói chung, không quan tâm lẫn nhau. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2017 đến nay. Cả ông T và bà H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đều thống nhất ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

[3] Về nuôi con chung: Ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị Hải H có 02 đứa con chung tên là Hoàng Thị Thùy C, sinh ngày 02-7-2009 và Hoàng Ngọc B, sinh ngày 17-10-2010; hiện các con đang sống cùng ông T. Ông T, bà H đều có nguyện vọng được nuôi hai con thể hiện trách nhiệm của bố mẹ đối với con cái. Xét thấy, các con đều có nguyện vọng được ở với mẹ, tuy nhiên hiện nay bà H chưa có nơi ở và công việc chưa ổn định, không đủ điều kiện để nuôi con nên cần chấp nhận yêu cầu của ông T, giao hai con cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời chưa yêu cầu bà H cấp dưỡng tiền nuôi con là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Ông Hoàng Văn T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không giải quyết. Bà H không có ý kiến về phần tài sản và nợ chung. Nếu sau này, bà H có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng, thì Tòa án sẽ giải quyết một vụ án khác.

[5] Về án phí: Ông Hoàng Văn T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử cho ly hôn giữa ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị Hải H.

2. Về nuôi con chung: Áp dụng các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử giao hai con Hoàng Thị Thùy C, sinh ngày 02-7-2009 và Hoàng Ngọc B, sinh ngày 17-10-2010 cho ông Hoàng Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuôi), tạm thời không yêu cầu bà H cấp dưỡng tiền nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Hoàng Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn; số tiền án phí ly hôn ông T phải nộp, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án huyện Quảng Ninh, theo biên lai số AA/2020/0002470, ngày 09 tháng 7 năm 2021.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Hoàng Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Hải H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã G;
- Lưu VP, Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhàn

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện từ thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng quy định tại các điều 39, 48, 49, 68, 93, 95, 96, 97, 195, 196, 203, 204, 208, 209, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 53, 54 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đương sự chấp hành pháp luật đúng quy định tại các điều 68, 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nam, xử cho anh Nam được ly hôn chị Trang. Về con chung: Áp dụng các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử giao con Đỗ Tuấn Khang, sinh ngày 03-02-2019 cho chị Trang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, buộc anh Nam phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung: Anh Nam khai vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, nhưng chị Trang khai vợ chồng có mua 01 lô đất, chia trả theo đợt, hiện tại chưa ra sổ đỏ nhưng không có giấy tờ, tài liệu chứng minh và cũng không làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Sau này, nếu anh Nam, chị Trang có tranh chấp thì giải quyết vụ án khác.